

Bản án số: 578/2022/HS-ST

Ngày: 26 – 12 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị An

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Chu Văn Hùng

2. Bà Nguyễn Thị Kim Loan

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Cảnh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 620/2022/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 555/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Tổng Văn T**; tên gọi khác: không; sinh ngày 01 tháng 01 năm 1982; giới tính: nam; nơi cư trú: Xóm Đ, xã T, huyện H, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 07/12; nghề nghiệp: tự do; con ông: Tổng Văn H, đã chết; con bà: Nguyễn Thị T, đã chết; gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ 03.

- Vợ, con: Chưa có.

- Tiền án: 5

+ Tại Bản án số 118/HSST ngày 07/11/2002 của Tòa án nhân dân huyện L, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 09 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng hợp hình phạt buộc T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 21 tháng tù. Bị cáo chưa thi hành phần trách nhiệm dân sự.

+ Tại Bản án số 67/2007/HSST ngày 22/5/2007 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Nguyên và Bản án số 93/2007/HSPT ngày 29/6/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp T sản” (Giá trị

T sản 10.870.000 đồng). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/6/2010. Chấp hành xong án phí ngày 02/6/2008.

+ Tại Bản án số 108/2007/HSST ngày 15/6/2007 của Tòa án nhân dân thành phố TN xử phạt 18 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt T sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/6/2010. Chấp hành xong án phí ngày 03/6/2008.

+ Tại Bản án số 56/2011/HSST ngày 21/7/2011 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 08 năm tù về tội “Cướp T sản”. Tại Bản án số 132/2011/HSPT ngày 28/9/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/6/2017. Chấp hành xong án phí ngày 25/4/2012.

+ Tại Bản án số 89/2019/HSST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 36 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/6/2022. Chấp hành xong án phí ngày 18/02/2020.

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân: Tại Quyết định số 190/2018/TA ngày 20/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố TN về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 15 tháng. Chấp hành xong ngày 06/9/2019.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2022 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa)

+ Người chứng kiến: Ông Mạc Trung N, sinh năm 1975

Địa chỉ: Xóm N, xã S, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 11 giờ 15 phút ngày 12/9/2022, tổ công tác của Công an xã S, thành phố TN yên đang làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát tại khu vực đường dân sinh thuộc xóm Đ của xã thì phát hiện một người đàn ông đang đi bộ có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy nên yêu cầu kiểm tra. Người đàn ông chấp hành, khai nhận tên Tống Văn T và tự giác lấy từ túi quần bên trái phía trước T đang mặc 01 gói giấy bạc màu trắng bên trong có chứa chất bột màu trắng giao nộp cho tổ công tác. T khai nhận chất bột màu trắng trên là ma túy Heroine của T mua về để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Tống Văn T và niêm phong, thu giữ vật chứng theo quy định.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TN tiến hành mở niêm phong, cân xác định khối lượng: Số chất bột màu trắng thu giữ của Tống

Văn T có khối lượng 0,169 gam, lấy toàn bộ số bột màu trắng trên đưa vào bì niêm phong ký hiệu T gửi giám định.

Tại Kết luận giám định số 1427/KL-KTHS ngày 20/9/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu T gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine, khối lượng thu giữ ban đầu là 0,169 gam.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, Tổng Văn T khai nhận: Khoảng 10 giờ ngày 12/9/2022, T đi bộ từ nhà đến khu vực chợ D, thành phố TN để tìm mua ma túy sử dụng cho bản thân. Khi đến nơi, T gặp và mua của một người đàn ông không quen biết 01 gói Heroine bên ngoài được gói bằng giấy bạc màu trắng với giá 100.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, T cất giấu vào trong túi quần phía trước bên trái rồi đi bộ về để tìm nơi sử dụng nhưng khi T đi đến khu vực đường dân sinh đoạn thuộc xóm Đ, xã S thì bị tổ công tác Công an xã S, thành phố TN phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Vật chứng của vụ án:

- 02 bì niêm phong ký hiệu T, T1 bên trong chứa ma túy hoàn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN chờ xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 624/CT-VKSTPTN ngày 30/11/2022, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Tổng Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố TN sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Tổng Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đề nghị áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Tổng Văn T từ 6 đến 7 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Đề nghị áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự: Tịch thu tiêu hủy 02 bì niêm phong ký hiệu T, T1.

Về án phí, đề nghị áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định.

Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến gì tranh luận.

Trong phần lời nói sau cùng, bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan và người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Hồi 11 giờ 15 phút ngày 12/9/2022, tại khu vực xóm Đ, xã S, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên, Tống Văn T có hành vi tàng trữ trái phép 0,169 gam chất ma túy, loại Heroine, mục đích sử dụng cho bản thân thì bị tổ công tác của Công an xã S, thành phố TN phát hiện, bắt quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang, lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người chứng kiến, vật chứng đã thu giữ, bản kết luận giám định và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng các chất ma túy, là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo có nhiều tiền án, thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Vì vậy, việc truy tố để xét xử đối với bị cáo về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Điều 249 Bộ luật hình sự quy định như sau:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, ...có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;”.

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

....

o) Tái phạm nguy hiểm.”

[3]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo có nhiều tiền án về nhiều tội khác nhau: “Trộm cắp tài sản”, “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, “Cướp tài sản”, “Chống người thi hành công vụ”, đã từng phải chấp hành hình phạt tù của các bản án và mới chấp hành xong hình phạt tù của bản án năm

2019 vào ngày 06/6/2022 nhưng chỉ sau vài tháng, bị cáo đã tiếp tục có hành vi phạm tội, điều đó cho thấy bị cáo rất coi thường pháp luật .

Bị cáo không có tiền sự nhưng có nhân thân xấu, là đối tượng nghiện chất ma túy, năm 2018 bị Tòa án nhân dân thành phố TN ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 15 tháng nhưng sau đó bị cáo vẫn tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự

Trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử thấy, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, buộc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự, bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, bị cáo cất giữ ma túy với mục đích để sử dụng cho bản thân, không có mục đích bán để kiếm lời, mặt khác bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4]. Vật chứng của vụ án: Đối với 02 phong bì niêm phong kí hiệu T, T1 bên trong chứa ma túy còn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu ban đầu là vật chứng của vụ án không có giá trị và giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[5] Về án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa về hình phạt đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Trong vụ án này, bị cáo T khai mua ma túy của một người đàn ông không rõ lai lịch, địa chỉ tại khu vực chợ Túc Duyên thuộc phường D, thành phố TN. Quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch của đối tượng này nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TN không có cơ sở điều tra làm rõ để xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Tống Văn T phạm tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng: Điều o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Tống Văn T 05 (năm) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/9/2022. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 02 phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu T, T1.

(Số vật chứng nêu trên đang được bảo quản tại kho của Chi cục thi hành án dân sự TP TN. Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng số 192 ngày 08/12/2022 giữa cơ quan Công an TP TN và Chi cục Thi hành án dân sự TP TN).

3. Án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Tống Văn T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TPTN;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an TPTN;
- Chi cục THADS TPTN;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên
- UBND xã T, H.H, TN;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)